

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ - ST
Ngày 08 - 5 - 2018
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Hữu Khánh**

Ông **Võ Tấn Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Võ Văn B** – sinh năm 1989 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp ĐM, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị L** – sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp ĐM, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa anh **Võ Văn B** trình bày:

Về hôn nhân: Anh **Võ Văn B** và Chị **Lê Thị L** kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 ả thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm nên thường hay cự cãi, dẫn đến chị **L** về nhà cha mẹ ruột chị **L** sống và điện thoại báo cho anh **B** biết là chị **L** không thể về tiếp tục sống chung với anh **B** được nữa, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 ả cho đến nay. Nay Anh **Võ Văn B** yêu cầu được ly hôn với Chị **Lê Thị L** được chị **L** đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống Anh **B** và Chị **L** có với nhau 02 con chung tên **Võ Tuấn K**, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2009 và **Võ Quốc B**, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012, hiện nay các con đang sống với Anh **B**. Khi ly

hôn Anh Bc yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi thành niên, Anh B không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh B trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Anh B trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Anh Võ Văn B và Chị Lê Thị L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Lê Thị L có địa chỉ cư trú tại ấp ĐM, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Anh B và Chị L kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì Anh Võ Văn B có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của Anh B đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên khi được triệu tập Chị Lê Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung là thống nhất ly hôn và giao con cho anh B theo yêu cầu khởi kiện của Anh B. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện cái Nước căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với Chị L.

Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa Anh B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 ải cho đến nay là thời gian dài nhưng Chị L không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Đồng thời tại đơn xin xét xử vắng mặt Chị L thống nhất thuận tình ly hôn với anh B và thống nhất giao con cho anh B nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Võ Văn B với chị Lê Thị L.

Về con chung: Anh B xác định vợ chồng có với nhau được 02 con chung tên Võ Tuấn K, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2009 và Võ Quốc B, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012. Hiện hai con đang sống với anh B. Sau khi ly hôn anh B yêu cầu tiếp tục nuôi các con không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con được chị L đồng ý. Mặt khác cháu K và cháu B hiện tại đang sống với anh B và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 4 năm 2018 đối với cháu K của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thì cháu K trình bày nguyện vọng muốn được ở với cha, đây là ý chí tự nguyện của cháu K là con anh B và chị L nên Tòa án chấp nhận. Giao cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2009 và Võ Quốc B, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 cho anh Võ Văn B tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh B không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh B xác định và chị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

Nếu sau này anh B và chị L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì anh B và chị L đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Anh Võ Văn B và chị Lê Thị L mỗi người phải nộp 75.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Võ Văn B thống nhất nộp thay cho chị Lê Thị L 75.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh **Võ Văn B** và chị **Lê Thị L**.

[2] Về con chung: Giao cháu Võ Tuấn K, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2009 và Võ Quốc B, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 cho Anh Võ Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị Lê Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B xác định chị và Chị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặc ra xem xét.

Nếu sau này Anh B và Chị L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Anh B và Chị L đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Võ Văn B và chị Lê Thị L mỗi người phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn đồng); Anh Võ Văn B tự nguyện nộp thay cho chị Lê Thị L, do đó anh B phải nộp là 150.000 đồng. Đã qua anh B có dự nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004253 ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ. Anh B được nhận lại 150.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Chị **Lê Thị L** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Trần Thới, huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết